



UNIT 8: ON THE FARM

Lesson 1-2 (page 78, 79)

● Vocabulary (page 78)



a bee



a bird



a chicken



a cow



a dog



a donkey



a duck



a sheep

● Structures (page 79)

A dog **can** run.

I. Choose and write. (Chọn từ rồi viết)

talk

run

swim

fly



.....



.....



.....



.....

II. Look and match. (Nhìn tranh và nối)



●



●



●



●

a bird

a donkey

a sheep

a duck

III. Circle the odd one out. (Chọn từ không cùng nhóm)

- | | | | |
|-----------|----------|---------|-----------|
| 1. a cat | a donkey | a bird | a pencil |
| 2. a park | a shop | a sheep | a library |
| 3. run | swim | talk | a cow |
| 4. jump | a dog | a bird | a bee |

IV. Read and choose. (Đọc và chọn từ)

1.  (A dog / A sheep) can swim.

2. A boy can (sing / run). 

3.  (A bird / A bee) can fly.

4. A cow can (talk / run). 

V. Reorder the words. (Sắp xếp từ thành câu có nghĩa)

1. run. / can / A dog /

.....

2. I / a dog. / got / have /

.....

3. A cat / swim. / can /

.....